

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH LONG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 136/QĐ-CDVL ngày 23 tháng 7 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Vĩnh Long)

Ngành đào tạo: THÚ Y

Mã ngành: 5640101

Vĩnh Long, 2020

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: THÚ Y

Mã ngành, nghề: 5640101

Trình độ đào tạo: TRUNG CẤP

Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo: 1,5 năm (năm học)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung:

Thú y trình độ trung cấp là ngành, nghề hoạt động trong lĩnh vực chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, hướng dẫn kỹ thuật nhằm bảo vệ sức khỏe và phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi, cung cấp cho xã hội các sản phẩm an toàn, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người hành nghề thú y có khả năng chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh, hướng dẫn kỹ thuật về thú y; sản xuất kinh doanh chăn nuôi thú y; xây dựng, quản lý, điều hành các trang trại chăn nuôi và thực hiện được các nhiệm vụ khác liên quan đến lĩnh vực thú y.

Người học sau tốt nghiệp, có thể làm việc trong trang trại, doanh nghiệp chăn nuôi giống gia súc gia cầm, thuốc thú y, sản xuất thức ăn chăn nuôi; kinh doanh thuốc thú y, bệnh xá thú y, trung tâm dịch vụ nông nghiệp, các cơ quan nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về chăn nuôi - thú y; các cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp và các tổ chức khác có liên quan đến thú y.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

❖ Về kiến thức:

- Trình bày được kiến thức về dược lý học, miễn dịch học, kỹ thuật chăn nuôi và các kiến thức chung về chính sách, pháp luật có liên quan đến thú y;
- Trình bày được các kiến thức về bệnh lý học, cách chẩn đoán và phòng, trị các bệnh thông thường của vật nuôi, dịch vụ chăm sóc thú cưng;
- Trình bày được kiến thức về khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản

khoa;

- Mô tả được toàn bộ các công đoạn trong việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất, tin học theo quy định.

❖ Về kỹ năng:

- Thực hiện được các công việc chẩn đoán bệnh, điều trị bệnh, khai thác và pha chế tinh dịch, thực hành sản khoa;

- Thực hiện được toàn bộ các công đoạn trong công việc xây dựng và thực hiện quy trình phòng dịch bệnh;

- Thực hiện được các bước mở dịch vụ chăm sóc thú cưng, mở cửa hàng kinh doanh thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi;

- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y đảm bảo hiệu quả, an toàn, vệ sinh môi trường và đúng pháp luật;

- Thực hiện được công tác thú y trong các cơ sở chăn nuôi, hệ thống khuyến nông địa phương và tham gia sản xuất thuốc thú y;

- Tuyên truyền vận động cộng đồng tham gia thực hiện các phương án phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;

- Lập kế hoạch, quản lý thời gian, tổ chức và làm việc theo nhóm một cách hiệu quả;

- Cập nhật, chia sẻ các thông tin, công nghệ mới trong lĩnh vực thú y để đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao;

- Ghi được nhật ký công việc, lập báo cáo nội dung, tiến độ công việc. Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh thú y;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

❖ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

- Trung thực và có tính kỷ luật cao, có khả năng làm việc độc lập, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao; lao động có chất lượng và năng suất cao;

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề

phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi. Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế;

- Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên.

1.3 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: Cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, cán bộ khuyến nông, nhân viên thị trường

- Các cơ quan quản lý về nông nghiệp các cấp thuộc lĩnh vực chăn nuôi thú y như: Chi cục Chăn nuôi Thú y, Trung tâm Giống vật nuôi, Phòng Nông nghiệp, Trạm Chăn nuôi Thú y, Trạm Khuyến nông, cộng tác viên thú y;

- Các đơn vị sản xuất kinh doanh chăn nuôi thú y như: trang trại chăn nuôi, công ty kinh doanh và sản xuất thuốc thú y - thức ăn gia súc, gia cầm; phòng mạch thú y;

- Nhân viên thú y của UBND xã, phường, thị trấn.

- Tự tổ chức công việc, nghề nghiệp cho chính bản thân: mở các trang trại chăn nuôi, phòng mạch thú y, cửa hàng kinh doanh: thức ăn gia súc - thuốc thú y - trang thiết bị chăn nuôi - thú y;

- Làm công tác nghiên cứu tại các cơ quan quản lý khoa học.

2. Khối lượng kiến thức toàn khóa học:

- Số lượng môn học: 30

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1545 giờ (63 Tín chỉ)

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1290 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 553 giờ (tỷ lệ 35,8); Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 932 giờ và kiểm tra 60 giờ (tỷ lệ 64,2%).

3. Nội dung chương trình

Mã MH	Tên môn học / mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/bài tập/thảo luận	Thi / Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
DT5001	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2

Mã MH	Tên môn học / mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/bài tập/thảo luận	Thi / Kiểm tra
DT5002	Pháp luật	1	15	9	5	1
DT5003	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
DT5004	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
DT5005	Tin học	2	45	15	29	1
DT5006	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	4	90	30	56	4
II	Các môn học chuyên môn	51	1290	459	784	47
II.1	Môn học cơ sở	16	330	140	176	14
NN5990 1	Kỹ năng giao tiếp	2	30	20	8	2
NN5402	Cơ thể học động vật	2	45	15	28	2
NN5403	Sinh lý động vật	2	45	15	28	2
NN5404	Dinh dưỡng và Thức ăn gia súc	2	45	15	28	2
NN5405	Vi sinh thú y	2	45	15	28	2
NN5406	Bệnh lý học thú y	3	60	30	28	2
NN5407	Dược lý thú y	3	60	30	28	2
II.2	Môn học chuyên môn	29	750	299	424	27
NN5408	Chăn nuôi heo	2	45	15	28	2
NN5409	Chăn nuôi gia cầm	2	45	15	28	2
NN5410	Chăn nuôi gia súc nhai lại	2	45	15	28	2
NN5411	Bệnh nội khoa	2	60	30	28	2
NN5412	Ngoại khoa	2	60	30	28	2
NN5413	Sản khoa	2	60	30	28	2
NN5414	Bệnh ký sinh	3	75	45	28	2
NN5415	Bệnh truyền nhiễm	3	75	45	28	2
NN5416	Bệnh chó mèo	2	45	15	28	2
NN5417	Luật thú y	1	15	14	0	1
NN5418	Giống và Kỹ thuật truyền giống	2	45	15	28	2
NN5419	Vệ sinh thú y	2	45	15	28	2
NN5420	Kiểm nghiệm súc sản	2	45	15	28	2
NN5421	Rèn nghề thú y (4 tuần)	2	90		88	2
II.3	Môn học tự chọn: Chọn 2 tín chỉ	2	30	20	8	2
NN5422	Môi trường và con người	2	30	20	8	2
NN5423	Khuyến nông *	2	30	20	8	2

Mã MH	Tên môn học / mô đun	Số tín chỉ	Tổng số	Thời gian học tập (giờ)		
				Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/bài tập/thảo luận	Thi / Kiểm tra
II.4	Thực tập tốt nghiệp (8 tuần)	4	180		176	4
TN5000	Thực tập tốt nghiệp (8 tuần)	4	180		176	4
Tổng cộng		63	1545	553	932	60

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1 Các môn học chung bắt buộc

Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niêm chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

+ 01 tín chỉ lý thuyết tương đương với 15 giờ thực học và 30 giờ chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

+ 01 tín chỉ thực hành tương đương với 30 giờ thực học và 15 giờ chuẩn bị cá nhân;

+ 01 tín chỉ thực tập/rèn nghề tại doanh nghiệp tương đương với 45 giờ thực học.

+ Thời gian đào tạo: 1,5 năm

+ Thời gian học tập: 66 tuần

+ Thời gian thực học tối thiểu: 1485 giờ

+ Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun: 60 giờ

4.2 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng; sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)

3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, người học có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần
6	Hướng nghiệp Thú y	Học kỳ đầu tiên khóa học

4.3 Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Người học được công nhận tốt nghiệp nếu thỏa các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.
- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Thỏa các yêu cầu khác do Hiệu trưởng trường quy định.

- Cách tính điểm: Mỗi môn học phải có ít nhất một cột điểm kiểm tra thường xuyên, một cột điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn. Tất cả điểm kiểm tra, điểm thi được tính theo thang điểm 10, giảng viên dạy làm tròn đến một chữ số thập phân. Cách tính điểm cụ thể như sau:

- + Kiểm tra thường xuyên: hệ số 1
- + Kiểm tra định kỳ: hệ số 2
- + Điểm TB kiểm tra = [kiểm tra thường xuyên + (kiểm tra định kỳ * 2)]/3
- + Thi kết thúc môn học
- + Điểm TB cuối môn = (TB kiểm tra * 0.4) + (Điểm thi kết thúc môn học * 0.6)

Điểm môn học sẽ được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học được công bố và nhập vào hệ thống quản lý điểm theo thang điểm 10 và quy đổi sang thang điểm chữ như sau:

Điểm môn học (theo thang điểm 10)	Điểm chữ	Điểm môn học (quy ra thang điểm 4)
8,5 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,4	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
0,0 – 3,9	F	0,0

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp theo phương thức tích lũy tín chỉ:

Thực hiện Chương II (Điều 19 - 26), Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niêm chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

PHÊ DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

HIỆU TRƯỞNG



Th.S. Trần Minh Cơ

TRƯỞNG KHOA

Võ Thành Phong